Quỹ ETF IPA PARTNER VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 2026119 /TB-FUEIP100 Hà Nội 09/11/2026
/As at 9-Nov-26

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Phường Hai Bà Trưng, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102703178
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.11.09 17:39:41+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company:*

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner

/ IPA Partner Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank
3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**
4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPA PARTNER VN100
5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **10/11/2026**
7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	*Quantity*	*Weight*
I.	Chứng khoán/Stock	**1,251,440,000**	**96.70%**
1	ACB	2,500	3.96%
2	BID	200	0.50%
3	BSR	200	0.40%
4	CII	300	0.32%
5	CTG	600	1.47%
6	DBC	100	0.13%
7	DCM	100	0.24%
8	DGW	100	0.30%
9	DIG	400	0.32%
10	DPM	100	0.15%
11	DXG	500	0.42%
12	EIB	700	0.88%
13	EVF	400	0.36%
14	FPT	800	3.15%
15	FRT	100	1.10%
16	GAS	100	0.56%
17	GEE	100	0.49%
18	GEX	300	0.51%
19	GMD	300	1.22%
20	GVR	100	0.23%
21	HAG	300	0.32%

22	HCM	400	0.72%
23	HDB	2,600	4.46%
24	HDG	100	0.13%
25	HHV	200	0.15%
26	HPG	2,100	3.39%
27	HSG	200	0.17%
28	KBC	300	0.62%
29	KDH	400	0.47%
30	LPB	1,400	3.78%
31	MBB	2,300	3.43%
32	MSB	1,300	1.64%
33	MSN	500	2.76%
34	MWG	600	3.35%
35	NAB	800	0.78%
36	NKG	200	0.19%
37	NLG	200	0.35%
38	NVL	900	0.73%
39	OCB	500	0.41%
40	PC1	100	0.13%
41	PDR	300	0.27%
42	PLX	100	0.26%
43	PNJ	200	0.22%
44	POW	300	0.29%
45	PVD	200	0.27%
46	PVT	100	0.16%
47	REE	100	0.36%
48	SAB	100	0.33%
49	SHB	1,900	1.57%
50	SSB	800	0.91%
51	SSI	1,100	1.69%
52	STB	900	4.76%
53	TCB	3,000	5.01%
54	TCH	300	0.31%
55	TPB	900	0.87%
56	VCB	500	2.07%
57	VCG	200	0.23%
58	VCI	400	0.61%
59	VHM	1,400	6.53%
60	VIB	1,200	1.28%
61	VIC	700	12.68%
62	VIX	1,400	1.41%
63	VJC	100	1.04%
64	VND	600	0.67%

65	VNM	400	1.76%
66	VPB	2,800	4.81%
67	VPL	100	0.72%
68	VRE	400	0.74%
69	VSC	200	0.21%
II.	**Tiền/Cash (VND)**	**42,678,209**	**3.30%**
III.	**Tổng/Total**	**1,294,118,209**	**100.00%**

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Value of component securities basket*: (VND) 1,251,440,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per ETF creation unit*: (VND) 1,294,118,209

Giá trị chênh lệch/*Cash component*: (VND) 42,678,209

Giá trị tài sản ròng của 1 chứng chỉ quỹ/ Value per share of ETF (VND) 12,941.1821

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	**Mã chứng khoán**	**Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu**	**Đối tượng áp dụng**	**Lý do**
No.	*Securities code*	*Substitution cash per share VND*	**Applied to**	**Reason**
1	ACB	20,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	32,050	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	51,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	52,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	GVR	29,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	19,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	72,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	PNJ	14,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	REE	47,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TCB	21,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	TPB	12,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	22,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
13	VND	14,450	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Đại diện tổ chức/*Organization Representative*

Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Persons Authorized to Disclose Information*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / *(Signature, full name and seal - if any)*



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Lan